CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Xây dựng điện VNECO 4

Ngày 31/12/2025	260,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0.2%**	**0.2%**

DT thuần
Q4/25
14.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.6| -43.1%
YoY: ▼12.5| -47.2%

LN thuần
Q4/25
-0.21
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.81| 78.9%
YoY: ▼0.09| -79.1%

LN sau thuế
Q4/25
0.97
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.98| 196%
YoY: ▲ 1.11| 793%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
2.8%
YoY: +/-▼ 0.3%

ROE
2025
0.4%
YoY: +/-▼ 4.4%

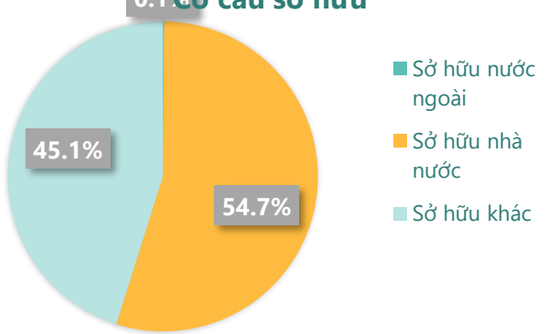
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	259,000 - 260,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	267
Số lượng CPLH (CP)	1,028,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.00
EPS	39
P/E	6694.4

DT thuần
2025
59.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼13.4| -18.2%

LN thuần
2025
-1.39
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.52| -1151%

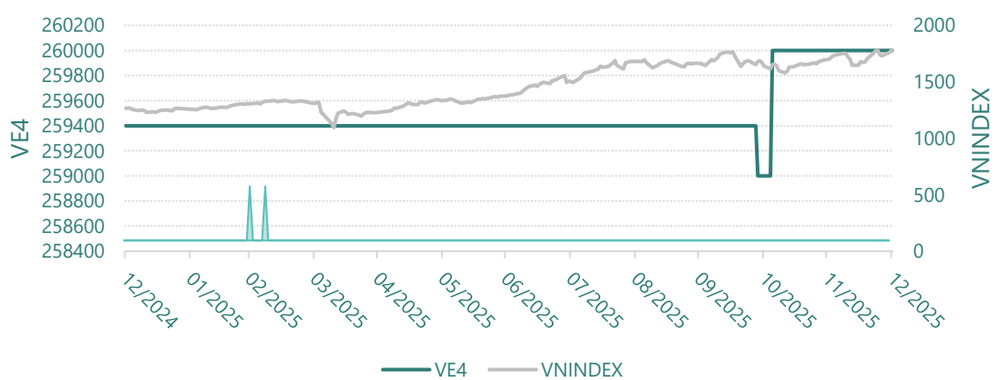
LN sau thuế
2025
0.04
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.43| -91.5%

Cơ cấu sở hữu

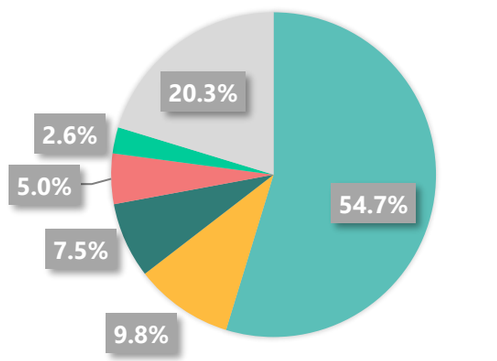


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

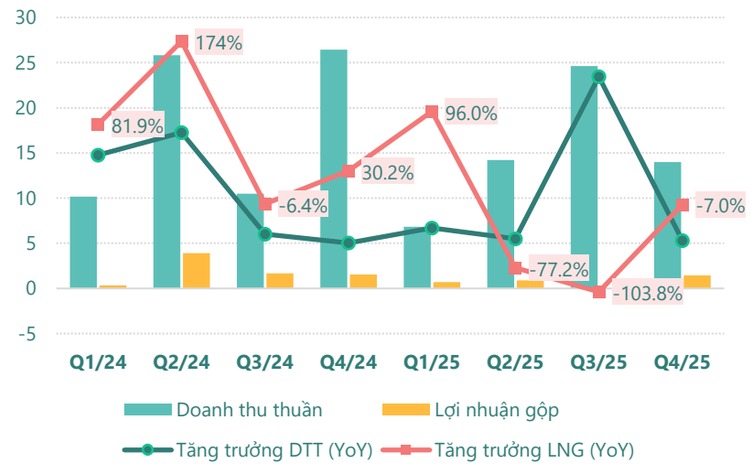


- Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam
- CTCP Đầu tư SPX
- CTCP Vinaconex 39
- Đinh Mã Lương (Thành viên Ban kiểm soát)
- CTCP Quản lý vốn Đầu tư Việt Nhân
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

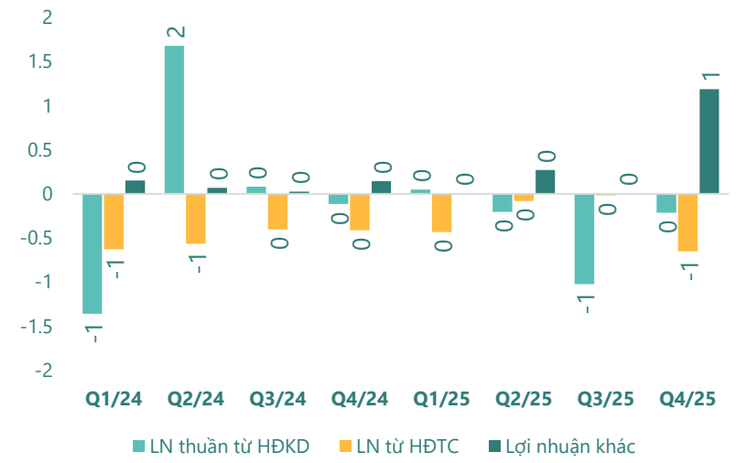
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



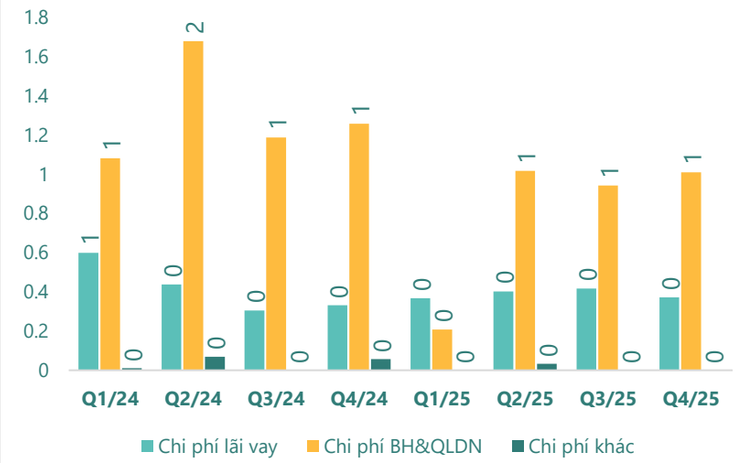
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



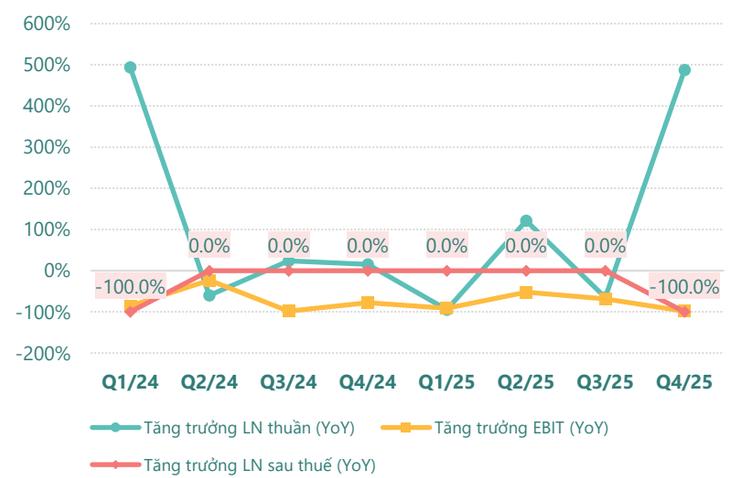
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



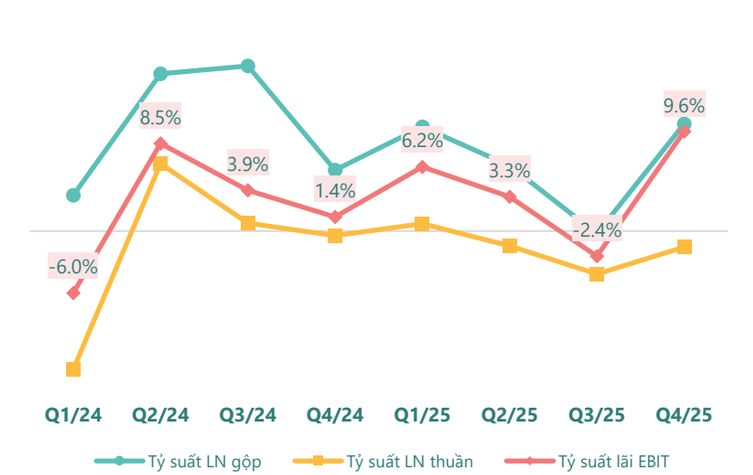
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



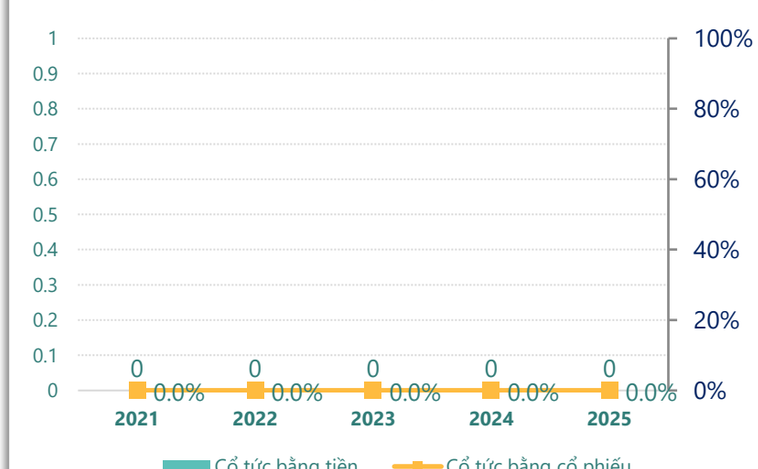
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

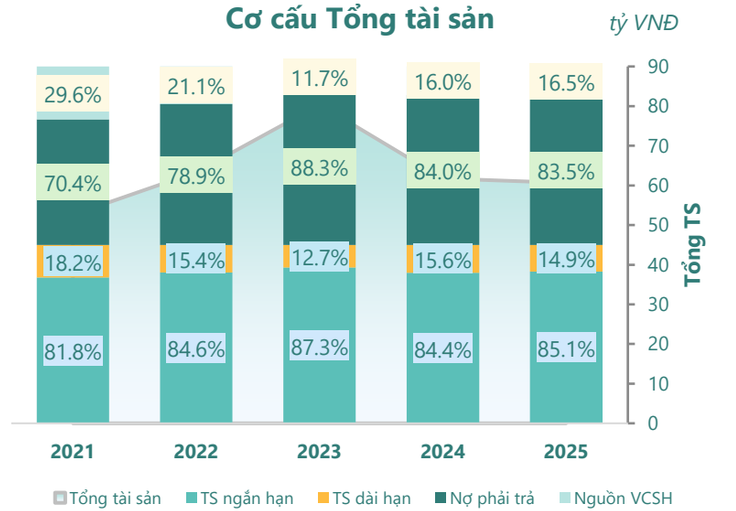
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

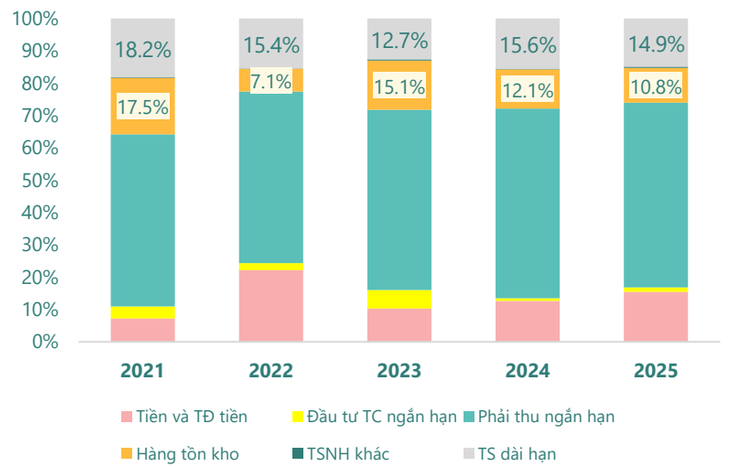
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



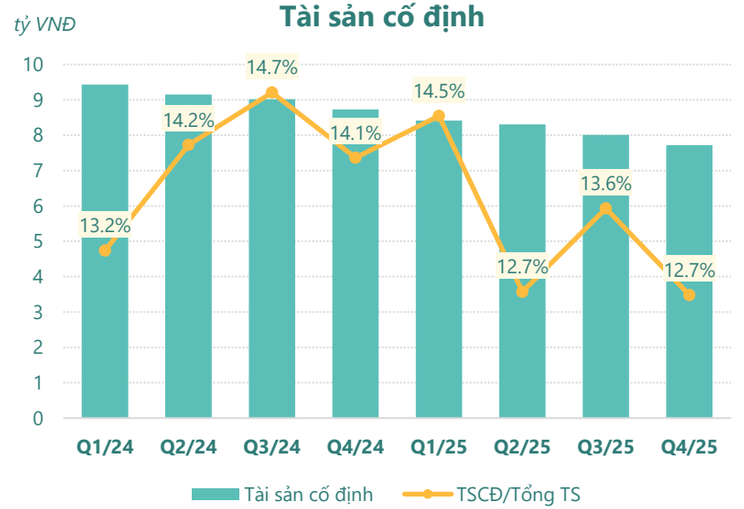
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



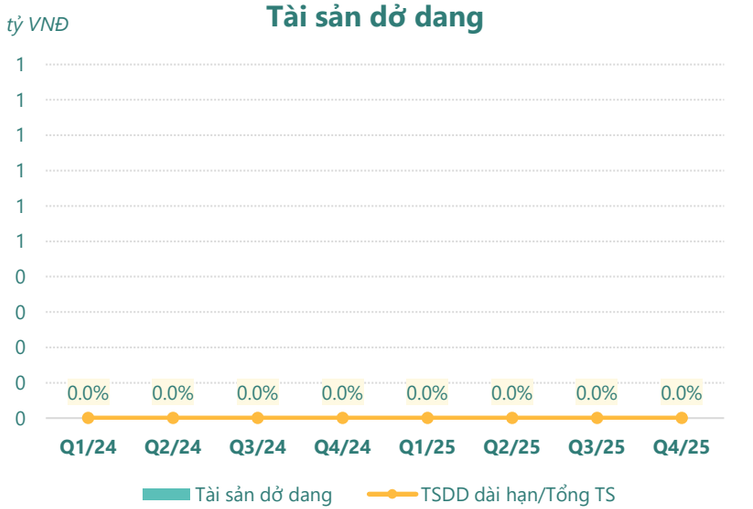
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



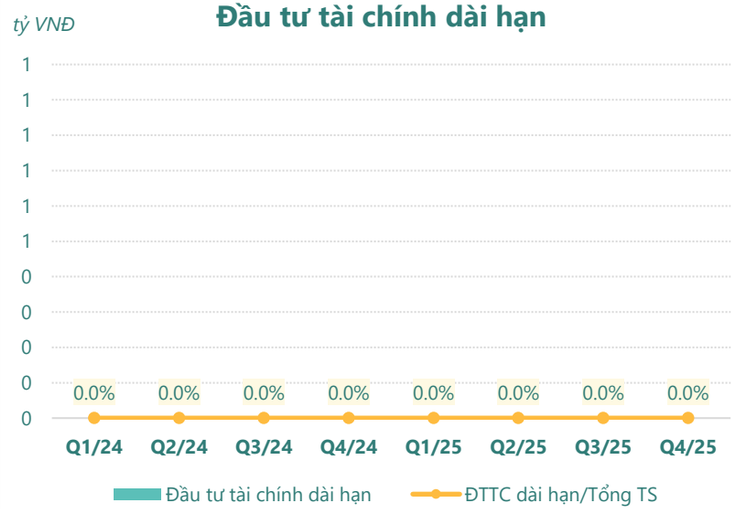
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



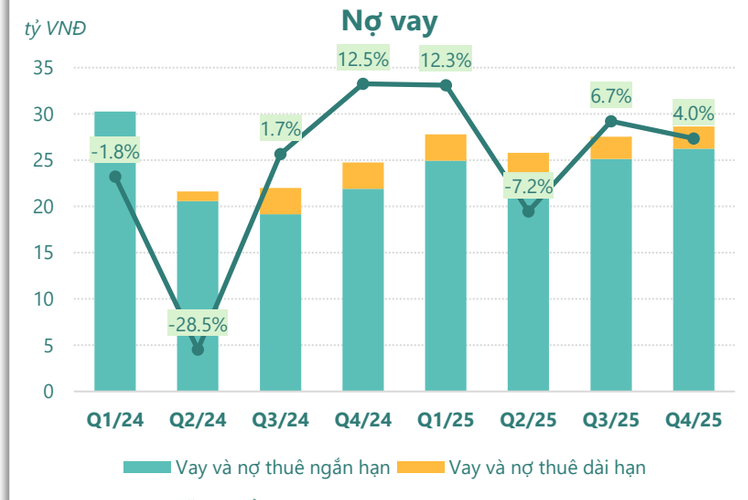
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

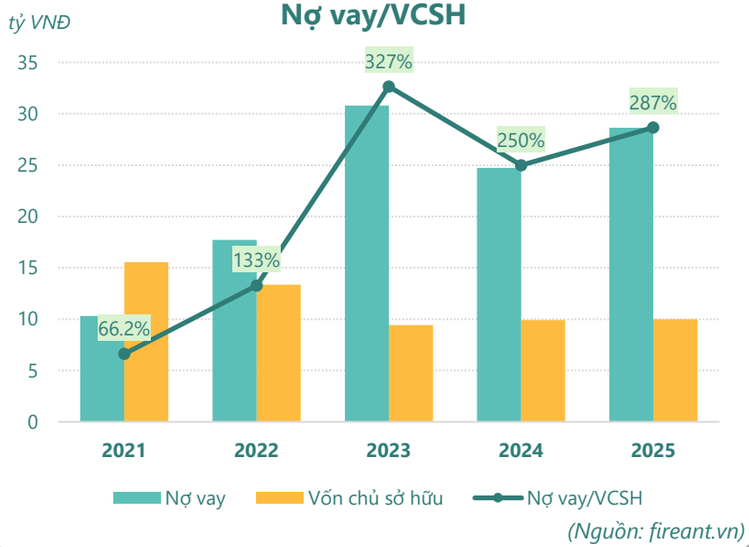
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

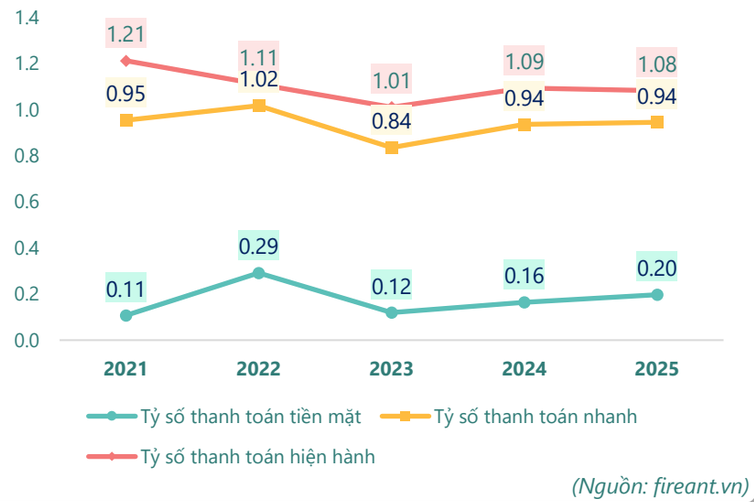
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



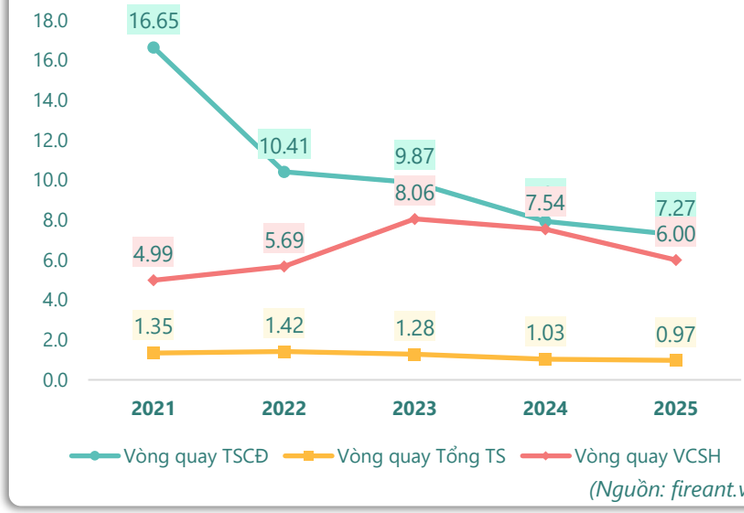
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



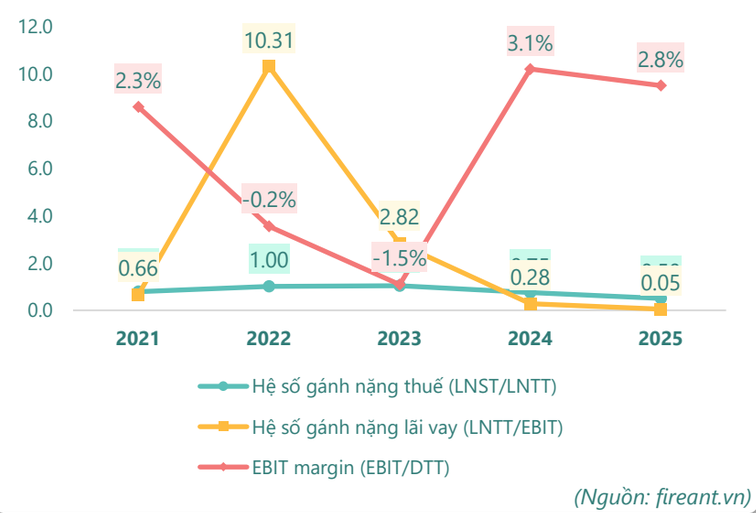
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



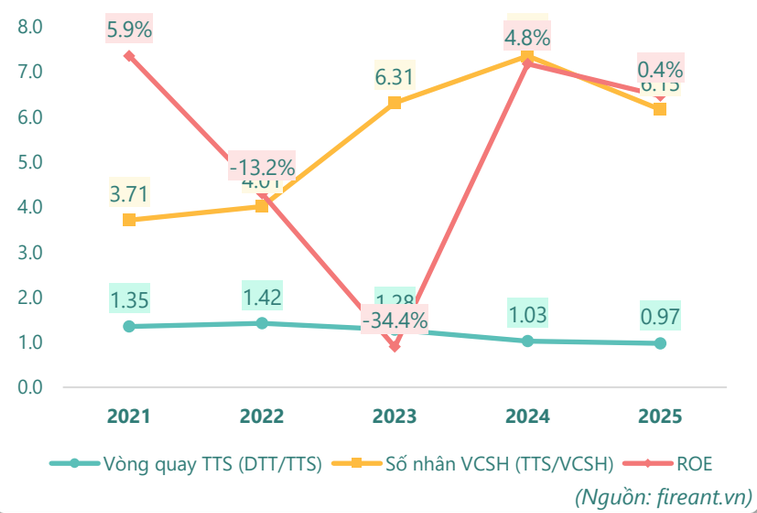
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



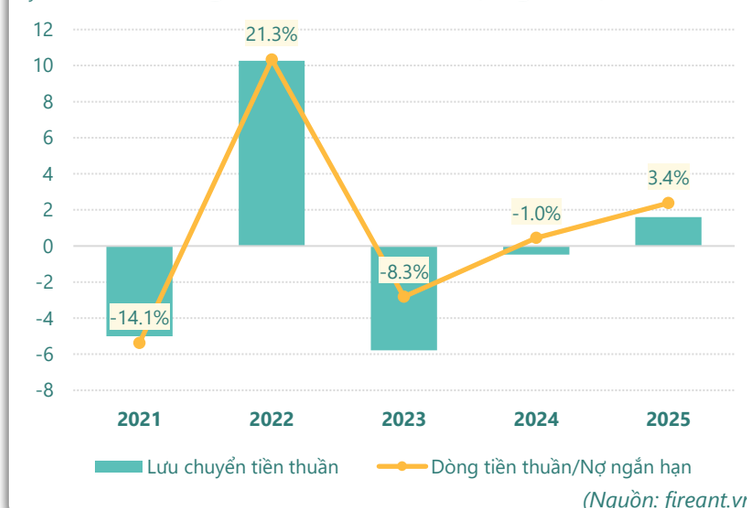
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**14.0**	**26.5**	**-47.2%**	**59.6**	**73.0**	**-18.2%**
Giá vốn hàng bán	12.5	24.9	-49.6%	56.7	65.7	-13.7%
Lợi nhuận gộp	1.45	1.56	-7.2%	2.97	7.28	-59.2%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.02	11.5%	0.09	0.13	-33.0%
Chi phí TC	0.67	0.43	56.8%	1.27	2.10	-39.5%
Chi phí lãi vay	0.37	0.33	12.9%	1.56	1.63	-4.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.01**	**1.26**	**-19.8%**	**3.18**	**5.18**	**-38.6%**
LN thuần từ HĐKD	-0.21	-0.12	-79.1%	-1.39	0.13	-1151%
Lợi nhuận khác	**1.19**	**0.15**	**691%**	**1.47**	**0.50**	**197%**
LN trước thuế	0.97	0.03	3136%	0.08	0.63	-87.3%
Lợi nhuận sau thuế	**0.97**	**-0.14**	**793%**	**0.04**	**0.47**	**-91.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.97**	**-0.14**	**793%**	**0.04**	**0.47**	**-91.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.64	-0.43	-5.80	10.0	-3.99	-2.49
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.26	0.04	0.02	0.02	0.02	0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.91	2.20	3.04	-2.00	1.59	1.11
Tiền đầu kỳ	8.46	6.00	7.81	5.08	13.1	10.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-2.46**	**1.81**	**-2.73**	**8.06**	**-2.37**	**-1.36**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.00	7.81	5.08	13.1	10.8	9.41

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**60.7**	**61.8**	**-1.8%**
Tài sản ngắn hạn	51.6	52.1	-1.0%
Tiền và tương đương tiền	9.41	7.81	20.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.80	0.51	57.3%
Phải thu ngắn hạn	34.6	36.3	-4.5%
Hàng tồn kho	6.57	7.49	-12.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.22	0.08	186%
Tài sản dài hạn	**9.03**	**9.61**	**-6.0%**
Phải thu dài hạn	0.78	0.24	219%
Tài sản cố định	7.71	8.70	-11.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.54**	**0.66**	**-18.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	50.7	51.9	-2.3%
Nợ ngắn hạn	**47.7**	**47.7**	**0.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	26.2	21.9	19.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.8	12.8	7.2%
Nợ dài hạn	2.99	4.18	-28.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.40	2.84	-15.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**9.98**	**9.90**	**0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**9.98**	**9.90**	**0.8%**
Vốn điều lệ	10.3	10.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)